

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 15-3-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Văn Nô;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Minh T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã Ph, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã Ph, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Bích Th chung sống với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012, quyền số 01/2012 ngày 06-6-2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không còn tình cảm với bà Th, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Th.

Về con chung: Ông T và bà Th có 01 con chung là Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12-6-2013. Khi ly hôn, ông T yêu cầu giao con chung cho bà Th nuôi dưỡng, ông

T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T xác định thu nhập hàng tháng của ông T là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-01-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Th thống nhất theo phần trình bày của ông T về thời gian, chung sống và kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Th không thống nhất, bà Th xác định bà Th không có lỗi gì với ông T, ông T tự bỏ nhà đi từ tháng 10/2018 đến nay, bà Th tìm hiểu và được biết là do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến sống không trách nhiệm với gia đình, vợ con. Bà Th và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hàn gắn nhưng ông T không quay về sống cùng gia đình. Bà Th xác định bà Th không có lỗi nên không đồng ý ly hôn dù ông T không còn tình cảm với bà Th.

Về con chung: Thống nhất theo phần trình bày của ông T. Nếu phải ly hôn, bà Th đồng ý nuôi con nhưng không đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng mà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Th xác định mức thu nhập hàng tháng của ông T là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Bích Th chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện (nay là thị xã) T theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012, quyển số 01/2012 ngày 06-6-2012, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, ông T và bà Th không còn sống chung từ tháng 10-2018, quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho ông T và bà Th để đoàn tụ nhưng ông T không đồng ý hoà giải đoàn tụ. Ông T xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn, bà Th xác định ông T sống không trách nhiệm gia đình, không còn tình cảm vợ chồng, như vậy cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông T và bà Th không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc nên ông T yêu cầu

được ly hôn với bà Th là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà Th có 01 con chung là Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12-6-2013. Xét thấy, bà Th đồng ý nuôi con chung nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung Phạm Nguyễn Bảo N cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo định tại khoản 2 Điều 82 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định đã viện dẫn trên. Về mức cấp dưỡng nuôi con, ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp theo quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Bà Th yêu cầu ông T cấp dưỡng mức cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng là không phù hợp với thu nhập thực tế của ông T nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí: Ông Phạm Minh T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T đối với bà Nguyễn Thị Bích Th.

1.1. Về hôn nhân: Ông Phạm Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12-6-2013 cho bà Nguyễn Thị Bích Th tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Bích Th đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, ông Phạm Minh T không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Nguyễn Thị Bích Th nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Phạm Minh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà

Nguyễn Thị Bích Th. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014640 ngày 21-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông T còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mộng Tuyết**